

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026



THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2025/TT-BTC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Hoạt động giao dịch, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, bao gồm: Hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán; hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; hợp đồng quyền chọn niêm yết chỉ số chứng khoán;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam);”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là bù trừ) là các hoạt động bao gồm ký quỹ, đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch, xử lý lỗi, thế vị giao dịch, bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán và quản lý rủi ro liên quan đến giao dịch chứng khoán phái sinh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Giá thanh toán cuối ngày là mức giá được xác định cuối ngày giao dịch để tính toán lãi lỗ hàng ngày của các vị thế hợp đồng tương lai.”.

3. Bổ sung khoản 18a, 18b, 18c, 18d, 18đ, 18e vào sau khoản 18 như sau:

“18a. Hợp đồng quyền chọn chỉ số chứng khoán (sau đây gọi tắt là hợp đồng quyền chọn chỉ số) là hợp đồng quyền chọn dựa trên tài sản cơ sở là chỉ số chứng khoán.

18b. Chỉ số cơ sở là chỉ số chứng khoán được dùng làm tài sản cơ sở cho hợp đồng quyền chọn.

18c. Hợp đồng quyền chọn chỉ số mua (sau đây gọi tắt là hợp đồng quyền chọn mua) là hợp đồng quyền chọn chỉ số mà nhà đầu tư nắm giữ vị thế mua có quyền nhận khoản tiền chênh lệch khi giá thanh toán cuối cùng của chỉ số cơ sở cao hơn giá thực hiện theo quy định của hợp đồng.

18d. Hợp đồng quyền chọn chỉ số bán (sau đây gọi tắt là hợp đồng quyền chọn bán) là hợp đồng quyền chọn chỉ số mà nhà đầu tư nắm giữ vị thế mua có quyền nhận khoản tiền chênh lệch khi giá thanh toán cuối cùng của chỉ số cơ sở thấp hơn giá thực hiện theo quy định của hợp đồng.

18đ. Giá thực hiện hợp đồng quyền chọn chỉ số (sau đây gọi tắt là giá thực hiện) là mức điểm của chỉ số cơ sở được xác định trước trong hợp đồng quyền chọn chỉ số, làm căn cứ để xác định giá trị thực hiện quyền và nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng quyền chọn chỉ số.

18e. Phí quyền chọn là số tiền nhà đầu tư nắm giữ vị thế mua hợp đồng quyền chọn chỉ số phải trả và nhà đầu tư nắm giữ vị thế bán hợp đồng quyền chọn chỉ số được nhận khi giao dịch hợp đồng quyền chọn được xác lập.

4. Bãi bỏ khoản 19

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 21 như sau:

“21. Thực hiện hợp đồng tương lai là việc các bên tham gia giao dịch hợp đồng tương lai thực hiện việc chuyển giao tài sản cơ sở, tài sản có thể chuyển giao và thanh toán tiền hoặc thanh toán khoản chênh lệch giữa giá thanh toán cuối ngày, giá thanh toán và giá thanh toán cuối cùng theo nội dung của hợp đồng và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”.

6. Bổ sung khoản 21a sau khoản 21 như sau:

“21a. Thực hiện hợp đồng quyền chọn chỉ số là việc nhà đầu tư nắm giữ vị thế mua thực hiện quyền và nhà đầu tư nắm giữ vị thế bán thực hiện nghĩa vụ

thanh toán khoản chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán cuối cùng theo điều khoản của mẫu hợp đồng quyền chọn chỉ số và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 23 như sau:

“23. Tài khoản giao dịch tổng là tài khoản giao dịch chứng khoán phải sinh do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty chứng khoán thành lập ở nước ngoài mở tại thành viên giao dịch để thực hiện giao dịch chứng khoán phải sinh cho nhà đầu tư ủy thác, khách hàng. Trên tài khoản giao dịch tổng, các vị thế mua và bán của cùng một hợp đồng tương lai (có cùng tài sản cơ sở và cùng tháng đáo hạn) và các vị thế mua và bán cùng một hợp đồng quyền chọn chỉ số (có cùng tài sản cơ sở, cùng giá thực hiện, cùng tháng đáo hạn và cùng loại quyền chọn) được mở và duy trì cho đến khi thành viên bù trừ có đề nghị Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện đối trừ trên cơ sở thỏa thuận hoặc yêu cầu của nhà đầu tư.”.

8. Bổ sung khoản 24 sau khoản 23 như sau:

“24. Hệ số chuyển đổi (Delta) là hệ số phản ánh mức độ biến động giá của hợp đồng quyền chọn chỉ số so với biến động giá của tài sản cơ sở hoặc hợp đồng tương lai có cùng tài sản cơ sở, được sử dụng để quy đổi vị thế hợp đồng quyền chọn chỉ số thành vị thế tương đương hợp đồng tương lai nhằm tính toán nghĩa vụ ký quỹ đối với danh mục chứng khoán phải sinh.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3

“1. Tài sản cơ sở của hợp đồng tương lai chỉ số là chỉ số chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam xây dựng và quản lý hoặc do công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam được phân quyền xây dựng và quản lý.”.

Điều 4. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3

“Điều 3a. Hợp đồng quyền chọn chỉ số

1. Tài sản cơ sở của hợp đồng quyền chọn chỉ số là chỉ số chứng khoán do Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam xây dựng và quản lý hoặc do công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam được phân quyền xây dựng và quản lý.

2. Loại hợp đồng quyền chọn chỉ số bao gồm hợp đồng quyền chọn mua, hợp đồng quyền chọn bán.

3. Hợp đồng quyền chọn chỉ số được thực hiện tại ngày đáo hạn, theo hình thức thanh toán bằng tiền theo quy chế do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành.

4. Hợp đồng quyền chọn chỉ số được niêm yết nhiều mức giá thực hiện tại các tháng đáo hạn căn cứ vào chỉ số cơ sở theo phương pháp xác định tại mẫu hợp đồng quyền chọn chỉ số và quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.

5. Phí quyền chọn được xác định theo mức giá khớp lệnh giao dịch hợp đồng quyền chọn chỉ số thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

6. Mẫu hợp đồng quyền chọn chỉ số do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành sau khi báo cáo và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xác định và công bố trên trang thông tin điện tử các nội dung sau:

a) Danh sách các trái phiếu Chính phủ có thể chuyển giao, nguyên tắc xác định và hệ số chuyển đổi (đối với hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ thực hiện hợp đồng dưới hình thức chuyển giao tài sản cơ sở);

b) Danh sách các trái phiếu Chính phủ được sử dụng để xác định giá thanh toán cuối cùng, nguyên tắc xác định và tỷ trọng từng trái phiếu trong danh sách đó (đối với hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ thực hiện hợp đồng dưới hình thức thanh toán bằng tiền).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Việc xác định và công bố thông tin về các trái phiếu Chính phủ quy định tại khoản 4 Điều này thực hiện theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xác định thời điểm cuối cùng để chốt danh sách các trái phiếu Chính phủ có thể chuyển giao hoặc được sử dụng để xác định giá thanh toán cuối cùng. Sau thời điểm đó, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam không được điều chỉnh danh sách các trái phiếu Chính phủ nêu trên.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

“2. Trước khi đặt lệnh giao dịch, trong thời gian nắm giữ vị thế và khi thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư phải ký quỹ, nộp phí quyền chọn theo yêu cầu của thành viên bù trừ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Các giao dịch có thông tin tài khoản của khách hàng chưa đăng ký vào khu vực thị trường chứng khoán phải sinh trên hệ thống bù trừ thanh toán theo quy định tại quy chế của Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Đối với lỗi giao dịch tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện sửa lỗi về đúng tài khoản của khách hàng sau

khi thành viên bù trừ đã hoàn tất việc đăng ký thông tin tài khoản vào khu vực thị trường chứng khoán phái sinh trên hệ thống bù trừ thanh toán. Trường hợp đến thời điểm quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mà thành viên bù trừ chưa hoàn tất việc đăng ký thông tin tài khoản khách hàng trên hệ thống bù trừ thanh toán, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện sửa giao dịch quy định tại điểm a khoản 1 Điều này về tài khoản tự doanh của thành viên bù trừ;”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9

“1. Hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư bao gồm thanh toán lãi lỗ vị thế hợp đồng tương lai, thanh toán phí quyền chọn và thanh toán khi thực hiện hợp đồng đối với hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền chọn chỉ số theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp thanh toán lãi lỗ vị thế:

- Tại các ngày giao dịch trước ngày giao dịch cuối cùng, giá trị khoản thanh toán lãi lỗ vị thế được xác định hàng ngày trên cơ sở các vị thế mở trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư và chênh lệch giữa giá thanh toán cuối ngày so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước; hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán cuối ngày so với giá thanh toán (đối với vị thế vừa mở trong ngày); hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước (đối với trường hợp đóng vị thế trước hạn); hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán đóng vị thế so với giá thanh toán mở vị thế (đối với trường hợp mở và đóng vị thế trong cùng ngày giao dịch);

- Tại ngày giao dịch cuối cùng, giá trị khoản thanh toán lãi lỗ vị thế được xác định trên cơ sở các vị thế mở trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư và chênh lệch giữa giá thanh toán cuối cùng so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước; hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán cuối cùng so với giá thanh toán (đối với vị thế vừa mở trong ngày); hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước (đối với trường hợp đóng vị thế trước hạn); hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán đóng vị thế so với giá thanh toán mở vị thế (đối với trường hợp mở và đóng vị thế trong cùng ngày giao dịch cuối cùng).

a1) Trường hợp thanh toán phí quyền chọn:

Đối với giao dịch hợp đồng quyền chọn chỉ số của thành viên bù trừ, khách hàng của thành viên bù trừ (bao gồm cả giao dịch của thành viên giao dịch không bù trừ và khách hàng của thành viên giao dịch không bù trừ), việc bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán phí quyền chọn được thực hiện tại các ngày giao dịch trên cơ sở bù trừ chung giữa giá trị phí quyền chọn được nhận và giá trị phí quyền chọn phải trả cho các giao dịch hợp đồng quyền chọn chỉ số có cùng ngày giao dịch.

b) Trường hợp thanh toán khi thực hiện hợp đồng:

- Đối với hợp đồng tương lai thanh toán dưới hình thức bằng tiền, việc thực hiện hợp đồng được hoàn tất khi hoàn tất thanh toán lãi lỗ vị thế của hợp đồng tương lai xác định tại ngày giao dịch cuối cùng;

- Đối với hợp đồng quyền chọn chỉ số, việc thực hiện hợp đồng được hoàn tất khi hoàn tất thanh toán khoản chênh lệch bằng tiền (giữa giá thực hiện và giá thanh toán cuối cùng của chỉ số cơ sở) được xác định vào ngày giao dịch cuối cùng.

Việc thực hiện hợp đồng quyền chọn chỉ áp dụng đối với hợp đồng đang có trạng thái lãi và được Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện tự động tại ngày đáo hạn, ngoại trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu khác trong thời hạn quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Hợp đồng quyền chọn chỉ số ở trạng thái lãi là hợp đồng quyền chọn mua có giá thực hiện thấp hơn giá trị của chỉ số cơ sở, hợp đồng quyền chọn bán có giá thực hiện cao hơn giá trị của chỉ số cơ sở.

- Đối với hợp đồng tương lai thanh toán dưới hình thức chuyển giao tài sản cơ sở, việc thực hiện hợp đồng được hoàn tất khi nhà đầu tư bên bán phải chuyển giao tài sản cơ sở hoặc tài sản có thể chuyển giao theo quy định và nhà đầu tư bên mua phải thực hiện thanh toán tiền theo các điều khoản tại hợp đồng và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; hoặc nhà đầu tư hoàn tất việc thanh toán khoản tiền bồi thường theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 11 Thông tư này.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Nhận lãi hoặc thanh toán lỗ hàng ngày từ vị thế của nhà đầu tư; thanh toán khi thực hiện hợp đồng; nộp phí quyền chọn; nhận lãi tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng (nếu có);”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Khi thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh, nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ ký quỹ, thanh toán phí quyền chọn với thành viên bù trừ như sau:

a) Trường hợp giao dịch hợp đồng tương lai, nhà đầu tư có trách nhiệm nộp đầy đủ ký quỹ ban đầu cho toàn bộ vị thế dự kiến mở cho thành viên bù trừ trước khi thực hiện giao dịch, ngoại trừ các giao dịch đối ứng;

a1) Trường hợp giao dịch hợp đồng quyền chọn chỉ số, nhà đầu tư nắm giữ vị thế mua có trách nhiệm nộp đầy đủ phí quyền chọn, nhà đầu tư nắm giữ vị thế bán có trách nhiệm nộp đầy đủ ký quỹ ban đầu đối với toàn bộ vị thế dự kiến mở cho thành viên bù trừ trước khi thực hiện giao dịch, ngoại trừ giao dịch đối ứng.

b) Nhà đầu tư có nghĩa vụ ký quỹ phải duy trì ký quỹ cho vị thế của mình và phải bổ sung ký quỹ khi giá trị tài sản ký quỹ xuống dưới mức ký quỹ yêu cầu hoặc số dư tiền gửi ký quỹ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền theo yêu cầu của thành viên bù trừ. Tùy vào điều kiện thị trường, thành viên bù trừ có quyền yêu cầu nhà đầu tư bổ sung ký quỹ ngay trong phiên giao dịch;

c) Nhà đầu tư có nghĩa vụ ký quỹ được rút bớt tài sản ký quỹ nếu giá trị tài sản ký quỹ vượt quá mức ký quỹ yêu cầu do thành viên bù trừ quy định;

d) Khi ký quỹ ban đầu hoặc bổ sung ký quỹ, thành viên bù trừ được yêu cầu nhà đầu tư ký quỹ hoàn toàn bằng tiền hoặc cho phép nhà đầu tư sử dụng một phần tài sản ký quỹ là chứng khoán theo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền do thành viên bù trừ quy định nhưng không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ bằng tiền theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, d khoản 2 như sau:

“b) Giao dịch nhận về có ngày giao dịch khác với ngày làm việc trên hệ thống bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

c) Giao dịch thực hiện đối với mã chứng khoán phái sinh không tồn tại trên hệ thống bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

d) Giao dịch do thành viên không bù trừ thực hiện khi thông tin ủy thác bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh giữa thành viên giao dịch không bù trừ và thành viên bù trừ chung chưa được Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ghi nhận trên hệ thống bù trừ thanh toán;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với hoạt động thanh toán lãi lỗ vị thế, phí quyền chọn hàng ngày, căn cứ kết quả lãi lỗ cuối ngày, giá trị phí quyền chọn mua, bán trên từng tài khoản của nhà đầu tư, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam bù trừ tiền theo từng thành viên bù trừ để xác định giá trị phải trả và được nhận của từng thành viên bù trừ. Việc thanh toán lãi lỗ vị thế, phí quyền chọn hàng ngày được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản qua tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam tại ngân hàng thanh toán.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 12 như sau:

“b) Nhận lãi hoặc thanh toán lỗ hàng ngày cho các vị thế đứng tên thành viên bù trừ; nhận hoặc thanh toán phí quyền chọn; thanh toán và tiếp nhận thanh toán khi thực hiện hợp đồng; nhận lãi tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng;”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Mức ký quỹ yêu cầu được xác định dựa trên các loại ký quỹ rủi ro hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền chọn chỉ số, ký quỹ song hành Hợp đồng tương lai, ký quỹ chuyển giao Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ, ký quỹ tối thiểu và các yếu tố khác mà Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xét thấy là cần thiết.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Thành viên bù trừ phải nộp bổ sung tài sản ký quỹ trong trường hợp giá trị tài sản ký quỹ không đáp ứng được mức ký quỹ yêu cầu do Tổng công ty

lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định. Thành viên bù trừ được rút bớt tài sản ký quỹ nếu giá trị tài sản ký quỹ vượt mức ký quỹ yêu cầu theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc mở tài khoản ký quỹ, xác định loại ký quỹ và hệ số chuyển đổi (Delta), điều chỉnh mức ký quỹ, phương pháp xác định mức ký quỹ và các tham số của phương pháp này, loại tài sản được chấp nhận ký quỹ, cách thức và thời gian, thủ tục nộp hoặc rút ký quỹ, việc thực hiện các quyền liên quan tới chứng khoán ký quỹ và các nội dung liên quan khác thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 15

“Điều 15. Xử lý trường hợp mất khả năng thanh toán

1. Thành viên bù trừ, nhà đầu tư là khách hàng của thành viên bù trừ bị mất khả năng thanh toán khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không kịp thời thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán lỗ vị thế hoặc nghĩa vụ thanh toán khoản tiền bồi thường theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 11 Thông tư này hoặc nghĩa vụ thanh toán tiền khi thực hiện hợp đồng theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Bị phá sản hoặc tuyên bố phá sản theo quy định pháp luật về phá sản doanh nghiệp;

c) Các trường hợp khác theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư là khách hàng của thành viên bù trừ bị mất khả năng thanh toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng nguồn đảm bảo thanh toán theo nguyên tắc sử dụng hết nguồn này rồi mới sử dụng nguồn tiếp theo với trình tự như sau:

a) Sử dụng tiền ký quỹ của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán, tiền ký quỹ của khách hàng của thành viên bù trừ bị mất khả năng thanh toán;

b) Sử dụng khoản đóng góp bằng tiền vào Quỹ bù trừ của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán;

c) Sử dụng khoản đóng góp Quỹ bù trừ bằng tiền của các thành viên bù trừ khác theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

d) Sử dụng nguồn vốn hợp pháp của Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo trình tự: quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ, vốn vay.

3. Ngoài việc sử dụng các nguồn hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được thực hiện các biện pháp sau:

a) Yêu cầu thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giải trình lý do, cung cấp toàn bộ thông tin liên quan đến việc mất khả năng thanh toán, cung cấp danh sách khách hàng, thông tin nhận biết khách hàng và thông tin trên tài khoản ký quỹ của khách hàng;

b) Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hạn chế hoặc không cho phép mở vị thế mới đứng tên thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán, ngoại trừ các giao dịch đối ứng;

c) Yêu cầu thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán thanh lý vị thế của mình theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP;

d) Mở tài khoản giao dịch của chính Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam tại thành viên bù trừ để thực hiện các giao dịch đối ứng để giảm vị thế của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP và để nhận chuyển giao, bán tài sản ký quỹ bằng chứng khoán của chính thành viên bù trừ, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 28 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.

4. Trường hợp nhà đầu tư bị mất khả năng thanh toán, thành viên bù trừ có trách nhiệm thông báo ngay cho Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về vị thế, danh mục tài sản ký quỹ của nhà đầu tư đó và được thực hiện các biện pháp sau:

a) Yêu cầu nhà đầu tư thực hiện hoặc thành viên bù trừ thực hiện việc đóng vị thế, thanh lý vị thế bắt buộc đối với các vị thế mở của nhà đầu tư;

b) Đình chỉ việc nhận lệnh giao dịch để mở vị thế mới từ nhà đầu tư liên quan; đồng thời hủy các lệnh giao dịch chưa thực hiện của nhà đầu tư đó;

c) Sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ của nhà đầu tư để mua hoặc làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đối với các vị thế mở của nhà đầu tư. Trường hợp không đủ, thành viên bù trừ phải sử dụng tài sản của mình để thực hiện các hợp đồng chứng khoán phái sinh của nhà đầu tư;

d) Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả thành viên bù trừ toàn bộ phần tài sản thành viên bù trừ đã sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thanh toán của nhà đầu tư và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan.”.

Điều 14. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15

“Điều 15a. Hoàn trả số tiền đã sử dụng từ các nguồn đảm bảo thanh toán

1. Trường hợp thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán và đã được Công ty Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các biện pháp hỗ trợ thanh toán quy định tại các khoản 2, 3 Điều này, thành viên bù trừ có trách nhiệm hoàn trả Công ty Bù trừ chứng khoán Việt Nam toàn bộ phần tài sản đã sử dụng từ Quỹ bù trừ, Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ, các nguồn vốn hợp pháp của Công ty Bù trừ

chứng khoán Việt Nam để đảm bảo thanh toán và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan.

2. Đối với việc sử dụng Quỹ bù trừ bằng tiền từ phần đóng góp của các thành viên khác, Công ty Bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo cho các thành viên bù trừ liên quan chi tiết về việc sử dụng Quỹ bù trừ ngay trong ngày sử dụng. Thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tài sản đã sử dụng của Quỹ bù trừ và thanh toán tiền lãi sử dụng cho các thành viên khác theo lãi suất do Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam xác định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được thực hiện bán tài sản ký quỹ, khoản đóng góp Quỹ bù trừ bằng chứng khoán của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo lệnh thị trường tại thời điểm đặt lệnh đối với chứng khoán ký quỹ là cổ phiếu hoặc lệnh bán thỏa thuận điện tử toàn thị trường theo mức giá thực hiện gần nhất đối với chứng khoán ký quỹ là công cụ nợ để hoàn trả các nguồn đã sử dụng, bù đắp các chi phí thiệt hại tài chính phát sinh (nếu có) trong quá trình xử lý mất khả năng thanh toán.

4. Thành viên bù trừ, nhà đầu tư là khách hàng của thành viên bù trừ bị mất khả năng thanh toán phải hoàn trả các nguồn hỗ trợ đã sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này theo trình tự:

a) Các nguồn vốn hợp pháp của Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam; tiền lãi sử dụng và chi phí phát sinh liên quan đến việc sử dụng nguồn này;

b) Khoản đóng góp của thành viên bù trừ khác trong Quỹ bù trừ; tiền lãi sử dụng nguồn này;

c) Khoản đóng góp của chính thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán trong Quỹ bù trừ;

d) Khoản tiền ký quỹ của thành viên bù trừ đã sử dụng để đảm bảo thanh toán cho nhà đầu tư mất khả năng thanh toán.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Tài sản mà mỗi thành viên bù trừ đóng góp vào Quỹ bù trừ thuộc sở hữu của chính thành viên bù trừ đó và được Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam quản lý tách biệt với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được toàn quyền sử dụng, kể cả bán các tài sản đóng góp vào Quỹ bù trừ để thực hiện nghĩa vụ của các vị thế đứng tên thành viên bù trừ;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Đối với khoản đóng góp bằng tiền, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán để quản lý tiền của các thành viên bù trừ đóng góp vào Quỹ bù trừ.

Đối với khoản đóng góp bằng chứng khoán, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam mở tài khoản lưu ký cho chính mình tại Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam để quản lý khoản đóng góp bằng chứng khoán của thành viên bù trừ. Cổ tức, trái tức và các quyền lợi phát sinh khác đối với chứng khoán đóng góp phải được hoàn trả cho thành viên bù trừ sau khi trừ đi các chi phí và thuế liên quan;”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26

“1. Thành viên bù trừ chung có Hợp đồng thỏa thuận ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên không bù trừ phải đăng ký thông tin ủy thác bù trừ, thanh toán với Công ty bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi thành viên không bù trừ thực hiện giao dịch và thành viên bù trừ chung thực hiện bù trừ, thanh toán cho các giao dịch chứng khoán của thành viên không bù trừ, khách hàng của thành viên không bù trừ. Các hợp đồng phải có điều khoản nêu rõ thành viên bù trừ là đại diện theo ủy quyền của khách hàng môi giới và khách hàng bù trừ, thanh toán, đứng tên vị thế của các khách hàng này và chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của khách hàng đối với Công ty bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc đăng ký, đình chỉ, chấm dứt ghi nhận thông tin ủy thác bù trừ thanh toán giữa thành viên bù trừ chung và thành viên không bù trừ thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29

“1. Ngoài các hình thức xử lý vi phạm theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 27, khoản 2 Điều 28 Thông tư này, thành viên bù trừ bị áp dụng các hình thức xử lý vi phạm sau đây:

- a) Nhắc nhở;
- b) Khiển trách.”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 31

“5. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn tối đa 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau đây:

- a) Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam báo cáo trường hợp thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;
- b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo các trường hợp đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 34

“1. Các quy định về hoạt động nghiệp vụ tại Thông tư số 58/2021/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này áp dụng đối với Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cho đến khi Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chính thức thực hiện hoạt động nghiệp vụ, ngoại trừ hoạt động chuyển giao chứng khoán

khi thực hiện hợp đồng do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện.

2. Kể từ khi Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chính thức thực hiện hoạt động nghiệp vụ theo phân công của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định số dư tài khoản tiền gửi ký quỹ, tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản quỹ bù trừ đứng tên Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngân hàng thanh toán và chuyển giao cho Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam quản lý theo quy định tại Thông tư này.”.

Điều 20. Thay thế một số từ, cụm từ của Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2025/TT-BTC

1. Thay cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" thành cụm từ "Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam" tại khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 8, khoản 1, 2, 3 Điều 11, Điều 12, khoản 1, 5 Điều 13, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4, điểm a, d khoản 5 Điều 14, khoản 3, 4, Điều 15, điểm b khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 16, điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 27.

2. Thay cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" thành cụm từ " Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam" tại khoản 2 Điều 9, điểm b khoản 4 Điều 16, khoản 3, khoản 5 Điều 17, khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 31, Điều 32.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty bù trừ chứng khoán Việt Nam, các Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, thành viên lưu ký, ngân hàng thanh toán và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, UBCK (b).